

TỪ VỰNG TIẾNG ANH LỚP 4 THEO TỪNG UNIT**UNIT 4: WHEN'S YOUR BIRTHDAY?****Từ vựng Unit 4 SGK Tiếng Anh lớp 4 Mới tập 1**

Từ vựng	Phiên âm	Định nghĩa	Ví dụ
1. January	(n) /'dʒænjuəri/	tháng Một	Her birthday is in January. Sinh nhật của cô ấy vào tháng Một
2. February	(n) /'februəri/	tháng Hai	I went to this town in February. Tôi đã đến thị trấn này vào tháng Hai.
3. March	(n) /ma:tʃ/	tháng Ba	I was born on March 2nd 2000. Tôi sinh ngày 2 tháng 3 năm 2000.
4. April	(n) /'eɪprəl/	tháng Tư	He lived in that house in April. Anh ấy sống ở căn nhà đó hồi tháng Tư.
5. May	(n) /meɪ/	tháng Năm	My mother's birthday is in May. Sinh nhật của mẹ tôi vào tháng Năm.

6. June	(n) /dʒu:n/	tháng Sáu	Pupils do not go to school in June. Học sinh không đi học vào tháng Sáu
7. July	(n) /dʒu:'lai/	tháng Bảy	My father work at the hospital in July. Bố tôi làm việc ở bệnh viện hồi tháng Bảy.
8. August	(n) /ɔ:'gʌst/	tháng Tám	She started to learn English in August. Cô ấy bắt đầu học tiếng Anh vào tháng Tám.
9. September	(n) /Sep'tembe(r)/	tháng Chín	Children go to school in September. Trẻ em đi học vào tháng Chín.
10. October	(n) /ɒk'təʊbə(r)/	tháng Mười	My brother drives the tractor in October. Bố tôi lái xe tải vào tháng Mười.
11. November	(n) /nəʊ'vembə(r)/	tháng Mười một	I met her at the library in November. Tôi gặp cô ấy ở thư viện hồi tháng Mười một.

12. December	(n) /di'sembe(r)/	tháng Mười hai	My birthday is in December. Sinh nhật của tôi vào tháng Mười hai.
13. birthday	(n) /'bɜ:θdeɪ/	ngày sinh, lễ sinh nhật	My birthday is on the twelfth of May. Sinh nhật của tôi vào ngày 12 tháng Năm.
14. friend	(n) /frend/	người bạn, bạn bè	This is my friend. Đây là bạn tôi.
15. First	/fɜ:st/	thứ nhất	
16. Second	/'sekənd/	thứ hai	
17. Third	/ðɜ:d/	thứ ba	
18. fourth	/fɔ:θ/	thứ tư	
19. fifth	/fɪfθ/	thứ năm	
20. sixth	/'sɪksθ/	thứ sáu	
21. seventh	/'sevnθ/	thứ bảy	
22. eighth	/'eɪtθ/	thứ tám	
23. ninth	/'naɪnθ/	thứ chín	
24. tenth	/'tenθ/	thứ mười	

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh lớp 4 tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 4 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-4>



Bài tập Tiếng Anh lớp 4 nâng cao:

<https://vndoc.com/tieng-anh-cho-hoc-sinh-tieu-hoc-7-11-tuoi>

Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 4 trực tuyến:

<https://vndoc.com/test/tieng-anh-lop-4>

